

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 6
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 9
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	10 - 13
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	14
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14 - 16
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	17 - 45

Sai
COP
KF
C
TH
H

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 15) ngày 27 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Mã số thuế: 0303609986

Mã chứng khoán: STT

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

Hoạt động của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách bằng taxi;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm. Dịch vụ giao hàng nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa. Môi trường thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Dịch vụ giữ xe;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe ô tô. Mua bán xe tải, xe chuyên dụng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà. Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông lâm hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán hàng may mặc;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;

330
CỔ
CỔ
VẬN
SÀI
TOU
P

19
G
V
H
L
C
H

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC(Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy vi tính;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu đường giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dụng. Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán rượu, bia, giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- In ấn. Chi tiết: In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phối, thép xây dựng, ống kim loại và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Ryotaro Ohtake	Chủ tịch
- Ông Kakazu Shogo	Phó Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
- Ông Đinh Quang Phước Thanh	Thành viên
- Ông Shimabukuro Yoshinori	Thành viên

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC(Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thúy Phương	Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ/STT-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn (bao gồm Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và toàn bộ tiền ký quỹ tại Ngân hàng cho dịch vụ này) với giá chuyển nhượng tối thiểu bằng số tiền ký quỹ tương đương 1.000.000.000 đồng. Ngày 09 tháng 01 năm 2019, Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist đã ký kết hợp đồng 0119/2019/HĐKT-STT với Bà Lê Thị Hòa về việc chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn với giá chuyển nhượng 3.300.000.000 đồng (giá chuyển nhượng trên không bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác). Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn cho Bà Lê Thị Hòa vào ngày 07 tháng 03 năm 2019. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310535083 ngày 23 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 08) ngày 07 tháng 03 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn đã đổi tên thành Công ty TNHH Azumaya Human Resourceful do Bà Lê Thị Hòa làm chủ sở hữu.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC(Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2019



Kakazu Shogo
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist, được lập ngày 10 tháng 04 năm 2019, từ trang 10 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày trong trong mục số 4.15 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty trình bày khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo quy định của luật thuế hiện hành và theo tờ khai quyết toán thuế. Tuy nhiên, Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của số dư này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được các biên bản xác nhận nợ phải thu khách hàng ngắn hạn với số tiền 9.596.271.434 đồng, phải thu ngắn hạn khác với số tiền 20.273.301.081 đồng và phải thu về cho vay dài hạn với số tiền 5.796.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

	31/12/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.596.271.434	9.596.271.434
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	9.596.271.434
Phải thu ngắn hạn khác	20.273.301.081	20.273.301.081
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	18.870.833.663	18.870.833.663
- Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1.402.467.418	1.402.467.418
Phải thu về cho vay dài hạn	5.796.000.000	5.796.000.000
- Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương	5.796.000.000	5.796.000.000

Chúng tôi không có điều kiện thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác định tính đúng đắn của các khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về số dư các khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của các số dư này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo thuyết minh 8.6 của bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 công nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty 23.357.826.948 đồng. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và việc tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ khi tới hạn. Các cổ đông của Công ty đã xác nhận tiếp tục hỗ trợ tài chính để Công ty có thể có đủ vốn hoạt động và có thể thanh toán các khoản nợ khi đến hạn. Do đó, Báo cáo tài chính riêng đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

Nguyễn Thị Hoàng Vân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2017-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.970.668.908	10.846.750.996
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.342.458.769	1.377.804.601
Tiền	111		1.342.458.769	1.377.804.601
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		150.000.000	150.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2a	150.000.000	150.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.641.560.029	8.680.829.509
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.994.773.648	14.947.911.687
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	630.233.554	576.542.554
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	23.641.991.052	23.385.293.221
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6a	(32.625.438.225)	(30.228.917.953)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	102.888.115	94.732.782
Hàng tồn kho	141		102.888.115	94.732.782
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		733.761.995	543.384.104
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	629.223.447	495.683.008
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.15	104.538.548	47.701.096
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.694.709.395	28.756.927.381
Các khoản phải thu dài hạn	210		453.721.800	1.106.088.982
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.9	5.796.000.000	5.796.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	453.721.800	1.106.088.982
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.6b	(5.796.000.000)	(5.796.000.000)
Tài sản cố định	220		17.499.063.346	18.412.606.458
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	17.379.063.362	18.252.606.466
- Nguyên giá	222		28.044.085.705	26.334.425.705
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.665.022.343)	(8.081.819.239)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	119.999.984	159.999.992
- Nguyên giá	228		200.000.000	200.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(80.000.016)	(40.000.008)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.544.500.040	8.544.500.040
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XD/CB dở dang	242	5.12	8.544.500.040	8.544.500.040
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2b	3.932.865.410	163.040.313
Đầu tư vào công ty con	251		8.482.327.200	8.482.327.200
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		80.016.000	80.016.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(4.629.477.790)	(8.399.302.887)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		264.558.799	530.691.588
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	264.558.799	530.691.588
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		39.665.378.303	39.603.678.377

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		39.643.593.593	38.411.830.802
Nợ ngắn hạn	310		32.328.495.856	28.427.584.339
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	2.506.603.960	656.394.086
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	3.074.921.983	2.695.913
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	4.624.126.098	7.089.582.636
Phải trả người lao động	314		951.880.730	710.797.118
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16a	219.848.365	304.733.790
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.272.064.072	97.140.921
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17a	16.084.308.822	17.074.939.875
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18a	2.594.741.826	2.491.300.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		7.315.097.737	9.984.246.463
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16b	413.951.571	641.531.145
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17b	1.091.649.286	1.021.449.286
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18b	5.809.496.880	8.321.266.032
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.784.711	1.191.847.575
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	21.784.711	1.191.847.575
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(79.978.215.289)	(78.808.152.425)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(78.808.152.425)	(57.160.469.582)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.170.062.864)	(21.647.682.843)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.665.378.303	39.603.678.377

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	21.280.291.813	21.213.395.563
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	21.280.291.813	21.213.395.563
Giá vốn hàng bán	11	6.2	20.411.229.598	24.700.623.748
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		869.062.215	(3.487.228.185)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.087.605	146.043.592
Chi phí tài chính	22	6.4	(2.783.842.010)	1.010.869.973
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		985.944.277	767.212.840
Chi phí bán hàng	25		-	89.646.737
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.812.522.702	9.726.314.764
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.141.530.872)	(14.168.016.067)
Thu nhập khác	31	6.6	47.464.758	4.877.240.747
Chi phí khác	32	6.7	3.497.661	12.356.907.523
Lợi nhuận khác	40		43.967.097	(7.479.666.776)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.097.563.775)	(21.647.682.843)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	72.499.089	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.170.062.864)	(21.647.682.843)

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(1.097.563.775)	(21.647.682.843)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.623.203.112	2.460.737.525
- Các khoản dự phòng	03	(1.373.304.825)	2.926.182.124
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(6.355.687)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.531.918)	(3.210.252.708)
- Chi phí lãi vay	06	985.944.277	767.212.840
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.117.391.184	(18.703.803.062)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	238.278.938	(687.915.746)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.155.333)	335.574.518
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.106.941.160	8.530.435.628
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	132.592.349	929.759.070
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(985.944.277)	(767.212.840)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.199.350.132)	(756.465.814)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.401.753.889	(11.119.628.246)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(49.660.000)	(16.283.872.768)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	2.800.000	8.903.181.811
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(150.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.731.918	128.245.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35.128.082)	(7.402.445.867)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	12.456.500.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.408.327.326)	(1.643.933.968)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.408.327.326)	10.812.566.032
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.377.804.601	9.087.312.682
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.355.687	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.342.458.769	1.377.804.601

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 15) ngày 27 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Mã số thuế: 0303609986

Mã chứng khoán: STT

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách bằng taxi;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm. Dịch vụ giao hàng nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa. Môi trường thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Dịch vụ giữ xe;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe ô tô. Mua bán xe tải, xe chuyên dụng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà. Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông lâm hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán hàng may mặc;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy vi tính;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu đường giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dụng. Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hóa mỹ phẩm, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán rượu, bia, giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- In ấn. Chi tiết: In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đại lý đối ngoại tệ;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phối, thép xây dựng, ống kim loại và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở).

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ taxi, đào tạo lái xe, cho thuê xe và các dịch vụ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có Văn phòng chính đặt tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

- Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn Tourist được thành lập theo Giấy phép Đào tạo lái xe số 102/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 07 tháng 11 năm 2013 do Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trung tâm hoạt động độc lập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0315029563 ngày 07 tháng 05 năm 2018 do Chi cục thuế quận Gò Vấp cấp. Vào ngày 30 tháng 08 năm 2018, Trung tâm thay đổi Giấy phép Đào tạo lái xe số Đào tạo lái xe Ô tô số 102/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 07 tháng 11 năm 2013 thành Giấy phép Đào tạo lái xe Ô tô số 8168/GP-SGTVT ngày Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động của Trung tâm là: Đào tạo lái xe hạng B1, B2, C, D. Trung tâm có trụ sở tại 93/1017 đường Lê Đức Thọ, phường 6, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại Hà Nội. Chi nhánh có trụ sở tại Tổ 32, cụm 5, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại Quảng Ninh. Văn phòng đại diện có trụ sở tại Số 45, tổ 6, khu 4, đường Hậu Cẩn, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

03/
CỘ
CỘ
VĂN
SĨ
T
/ :
/ :
344
CỘ
KF
CI
TH
HC
/ P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu Bình quân gia quyền
- Hàng hóa Bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Phần mềm máy tính khấu hao trong 05 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

4.13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí tài chính khác.

4.15. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 5% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn Tourist áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.18. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	1.181.245.863	1.288.226.275
Tiền gửi ngân hàng	161.212.906	89.578.326
Cộng	1.342.458.769	1.377.804.601

Đến ngày 31/12/2018, một số tài khoản ngân hàng của Công ty bị phong tỏa theo Quyết định của Tổng Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích trước tiền từ tài khoản, cụ thể:

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II;
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh;
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cống Quỳnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Hợp đồng số 38.17.120.2980099.TG	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Cộng	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000

Là khoản tiền gửi theo Hợp đồng số 38.17.120.2980099.TG ngày 25/04/2017 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Kỳ Đồng; lãi suất 6,2%, 12 tháng số tiền 150.000.000 đồng.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	8.482.327.200	4.629.477.790	(*)	8.482.327.200	8.399.302.887	(*)
Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn (1)	6.000.000.000	2.700.000.000	(*)	6.000.000.000	6.000.000.000	(*)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân (2)	2.482.327.200	1.929.477.790	(*)	2.482.327.200	2.399.302.887	(*)
Đầu tư vào Công ty khác	80.016.000	-	(*)	80.016.000	-	(*)
Tập đoàn Radius	80.016.000	-	(*)	80.016.000	-	(*)
Cộng	8.562.343.200	4.629.477.790	(*)	8.562.343.200	8.399.302.887	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310535083, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn 6.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình trừ bán buôn dược phẩm;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Điều hành tua du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải trừ vận tải đường hàng không;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309390411, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ 04 ngày 30 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân 2.482.372.200 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bảo vệ.

Tình hình biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Số đầu năm	8.399.302.887	8.163.808.192
Trích lập dự phòng trong năm	-	240.912.507
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.769.825.097)	(5.417.812)
Số cuối năm	4.629.477.790	8.399.302.887

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Phải thu khách hàng là bên liên quan	1.425.844.758	2.144.107.579
- Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	1.425.844.758	2.137.844.758
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	-	6.262.821
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	13.568.928.890	12.803.804.108
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	9.596.271.434
- Công ty TNHH Điện lực Bot Phú Mỹ 3	1.062.814.480	1.207.058.150
- Phải thu đợt 2 tiền học phí của 200 học viên hạng B2 khóa K13.18B2	580.000.000	-
- Phải thu đợt 2 tiền học phí của 170 học viên hạng B2 khóa K14.18B2	493.000.000	-
- Mr. Baghdad Sayed (Grand)	301.346.953	301.346.953
- Công ty Cổ phần V.N Việt Nhật	278.036.475	278.036.475
- Các khách hàng khác	1.257.459.548	1.421.091.096
Cộng	14.994.773.648	14.947.911.687

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Văn phòng Luật sư Hồng Nguyên & Associates	500.000.000	500.000.000
- Các nhà cung cấp khác	130.233.554	76.542.554
Cộng	630.233.554	576.542.554

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5 Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.053.201.398	-	76.413.910	-
Các khoản ký quỹ ký cược	62.000.000	-	60.823.170	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	462.675	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	22.526.326.979	20.319.240.942	23.248.056.141	17.339.385.827
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	18.870.833.663	18.870.833.663	18.870.833.663	15.906.134.549
- Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tiệp	1.402.467.418	1.402.467.418	1.402.467.418	1.402.467.418
- Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Phải thu khác	1.253.025.898	45.939.861	1.974.755.060	30.783.860
Cộng	23.641.991.052	20.319.240.942	23.385.293.221	17.339.385.827

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huy Hoàng Hà (đặt cọc thuê xe)	200.000.000	-	200.000.000	-
- Đặt cọc thuê sân tập lái xe tại xã Phước Thạnh, Huyện Củ Chi thành phố Hồ Chí Minh	120.000.000	-	-	-
- Các khoản ký quỹ ký cược khác	133.721.800	-	906.088.982	-
Cộng	453.721.800	-	1.106.088.982	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.6 Nợ xấu

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	38.421.438.225	-	39.137.057.067	3.112.139.114
a. Ngắn hạn	32.625.438.225	-	33.341.057.067	3.112.139.114
Từ 03 năm trở lên	32.625.438.225	-	33.341.057.067	3.112.139.114
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9.596.271.434	-	9.596.271.434	147.440.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	18.870.833.663	-	18.870.833.663	2.964.699.114
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Tiếp	1.402.467.418	-	1.402.467.418	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Du Lịch Sài Gòn	1.425.844.758	-	2.137.844.758	-
- Các đối tượng khác	1.330.020.952	-	1.333.639.794	-
b. Dài hạn	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-
Từ 03 năm trở lên	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương	5.796.000.000	-	5.796.000.000	-

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Số đầu năm	30.228.917.953	27.442.944.702
Trích lập dự phòng trong năm	3.150.936.465	4.898.199.191
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(754.416.193)	(2.112.225.940)
Số cuối năm	32.625.438.225	30.228.917.953

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Số đầu năm	5.796.000.000	5.796.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	5.796.000.000	5.796.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	80.165.548	-	72.140.215	-
- Hàng hoá	22.722.567	-	22.592.567	-
Cộng	102.888.115	-	94.732.782	-

5.8 Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2018 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2018 (VND)
- Công cụ, dụng cụ	-	130.355.081	(71.690.270)	58.664.811
- Chi phí mua ngoài	495.683.008	2.927.022.220	(2.852.146.592)	570.558.636
Cộng	495.683.008	3.057.377.301	(2.923.836.862)	629.223.447

b. Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2018 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2018 (VND)
- Chi phí sửa chữa	403.595.874	162.850.000	(386.912.957)	179.532.917
- Chi phí trả trước khác	127.095.714	101.808.000	(143.877.832)	85.025.882
Cộng	530.691.588	264.658.000	(530.790.789)	264.558.799

5.9 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương (*)	5.796.000.000	5.796.000.000
Cộng	5.796.000.000	5.796.000.000

(*) Là khoản cho vay Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương theo Hợp đồng cho vay số 64/11/HĐV ngày 19/06/2011 với mục đích đầu tư phương tiện vận chuyển và thành lập Trung tâm sửa chữa thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 15%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*) (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2018	1.339.428.880	177.735.136	24.552.604.263	264.657.426	26.334.425.705
Tăng trong năm	-	-	1.709.660.000	-	1.709.660.000
Mua sắm mới	-	-	1.709.660.000	-	1.709.660.000
31/12/2018	1.339.428.880	177.735.136	26.262.264.263	264.657.426	28.044.085.705
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	91.516.963	177.735.136	2.686.046.393	214.857.426	3.170.155.918
Giá trị hao mòn					
01/01/2018	1.128.573.662	177.735.136	6.543.015.515	232.494.926	8.081.819.239
Tăng trong năm	8.567.016	-	2.562.186.088	12.450.000	2.583.203.104
Khấu hao trong năm	8.567.016	-	2.562.186.088	12.450.000	2.583.203.104
31/12/2018	1.137.140.678	177.735.136	9.105.201.603	244.944.926	10.665.022.343
Giá trị còn lại					
01/01/2018	210.855.218	-	18.009.588.748	32.162.500	18.252.606.466
31/12/2018	202.288.202	-	17.157.062.660	19.712.500	17.379.063.362

(*) Một số phương tiện vận tải được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn, xem thuyết minh số 5.18.

5.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính.

	Nguyên giá (VND)	Hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
01/01/2018	200.000.000	40.000.008	159.999.992
Tăng trong năm	-	40.000.008	-
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	200.000.000	80.000.016	119.999.984

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền thuê đất tại số 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	8.544.500.040	8.544.500.040
Cộng	8.544.500.040	8.544.500.040

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là bên liên quan	27.127.493	27.127.493	-	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	27.127.493	27.127.493	-	-
Phải trả người bán là bên thứ ba	2.479.476.467	2.479.476.467	656.394.086	656.394.086
- Phải trả nhà cung cấp xe	1.660.000.000	1.660.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng Hà	201.332.400	201.332.400	167.497.000	167.497.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	147.440.000	147.440.000	147.440.000	147.440.000
- Các nhà cung cấp khác	470.704.067	470.704.067	341.457.086	341.457.086
Cộng	2.506.603.960	2.506.603.960	656.394.086	656.394.086

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Lê Thị Hòa - ứng trước tiền chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Thương mại Du lịch Sài Gòn	2.000.000.000	-
- Các khách hàng ứng trước tiền mua xe	815.000.000	-
- Các khách hàng khác	259.921.983	2.695.913
Cộng	3.074.921.983	2.695.913

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	287.932.314	287.932.314
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	150.920.565	150.920.565	2.277.771.608	2.277.771.608
- Thuế thu nhập cá nhân	16.966.231	16.966.231	35.174.406	35.174.406
- Thuế nhà đất	2.591.635.108	2.591.635.108	2.624.100.114	2.624.100.114
- Thuế, phí khác	1.864.604.194	1.864.604.194	1.864.604.194	1.864.604.194
Cộng	4.624.126.098	4.624.126.098	7.089.582.636	7.089.582.636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 (VND)		Số phát sinh trong kỳ (VND)		31/12/2018 (VND)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	287.932.314	47.701.096	167.894.738	(608.066.696)	-	104.538.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.277.771.608	-	72.499.089	(2.199.350.132)	150.920.565	-
Thuế thu nhập cá nhân	35.174.406	-	29.733.703	(47.941.878)	16.966.231	-
Thuế nhà đất	2.624.100.114	-	-	(32.465.006)	2.591.635.108	-
Thuế, phí khác	1.864.604.194	-	4.742.285	(4.742.285)	1.864.604.194	-
Cộng	7.089.582.636	47.701.096	274.869.815	(2.892.565.997)	4.624.126.098	104.538.548

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Chi phí phải trả

a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng Hà	112.798.000	150.814.000
- Trung tâm KD VNPT TPHCM - CN Tổng Cty Dịch vụ Viễn Thông	84.000.000	42.000.000
- Chi phí phải trả khác	23.050.365	111.919.790
Cộng	219.848.365	304.733.790

b. Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí trợ cấp thôi việc phải trả	413.951.571	641.531.145
Cộng	413.951.571	641.531.145

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.17 Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Phải trả khác là bên liên quan	195.000.000	-
- Ông Kakazu Shogo	195.000.000	-
Phải trả khác là bên độc lập	15.889.308.822	17.074.939.875
- Phải trả ông Hideo Tomiya theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 03/07/2017	11.000.000.000	11.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Hưng Thịnh	2.000.000.000	2.000.000.000
- Kinh phí công đoàn	678.646.410	619.589.245
- Phải trả cổ tức	1.219.365.715	1.219.365.715
- Thù lao Hội đồng quản trị	210.284.788	210.284.788
- Phải trả khác	781.011.909	2.025.700.127
Cộng	16.084.308.822	17.074.939.875

b. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Ký quỹ, ký cược		
Nhận ký quỹ, ký cược - tài xế lái xe	1.091.649.286	1.021.449.286
Cộng	1.091.649.286	1.021.449.286

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2018 (VND)	Chuyển vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới sang vay ngắn hạn (VND)	Trả tiền vay trong năm (VND)	31/12/2018 (VND)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cống Quỳnh (*)	644.000.000	644.000.000	(550.792.750)	737.207.250
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (**)	1.847.300.000	1.867.769.152	(1.857.534.576)	1.857.534.576
Cộng	2.491.300.000	2.511.769.152	(2.408.327.326)	2.594.741.826

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	01/01/2018 (VND)	Nhận tiền vay trong năm (VND)	Chuyển vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới sang vay ngắn hạn (VND)	31/12/2018 (VND)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cống Quỳnh (*)	2.254.000.000	-	(644.000.000)	1.610.000.000
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (**)	6.067.266.032	-	(1.867.769.152)	4.199.496.880
Cộng	8.321.266.032	-	(2.511.769.152)	5.809.496.880

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Công Quỳnh theo Thỏa thuận cho vay trung dài hạn số 001-171295/TTCV-SCB-CNCQ.17 ngày 23/06/2017; mục đích vay để thanh toán một phần tiền thuê đất đối với Quyền sử dụng đất tại 25 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất theo từng khế ước cụ thể; khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là 10 xe ô tô Toyota Vios E với tổng giá trị 4.600.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 001-171295/HĐTC-SCB-CNCQ.17 ngày 23/06/2017.

(**) Khoản vay dài hạn Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam để mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 9,30%/năm; khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là các xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Vay dài hạn theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 5000019896 ngày 15/12/2016;
- Hợp đồng số 5000021272 ngày 12/04/2017.

5.19 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2017	80.000.000.000	(57.160.469.582)	22.839.530.418
Lỗ trong năm trước	-	(21.647.682.843)	(21.647.682.843)
31/12/2017	80.000.000.000	(78.808.152.425)	1.191.847.575
01/01/2018	80.000.000.000	(78.808.152.425)	1.191.847.575
Lỗ trong năm nay	-	(1.170.062.864)	(1.170.062.864)
31/12/2018	80.000.000.000	(79.978.215.289)	21.784.711

Cổ phiếu

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tổng doanh thu	21.280.291.813	21.213.395.563
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi	8.317.968.010	10.042.406.564
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe	7.695.004.127	5.398.391.000
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê xe	5.240.919.676	5.741.157.999
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán vé máy bay	-	6.440.000
- Doanh thu từ các dịch vụ khác	26.400.000	25.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	21.280.291.813	21.213.395.563

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	-	6.440.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	13.740.909	10.141.817
Cộng	13.740.909	16.581.817

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Giá vốn của dịch vụ taxi	9.373.498.266	14.291.240.555
- Giá vốn của dịch vụ đào tạo lái xe	6.207.268.586	4.888.644.584
- Giá vốn của dịch vụ cho thuê xe	4.830.462.746	5.474.423.558
- Giá vốn của dịch vụ và bán vé máy bay	-	6.440.000
- Giá vốn của các dịch vụ khác	-	39.875.051
Cộng	20.411.229.598	24.700.623.748

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11.731.918	128.245.090
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.355.687	17.798.502
Cộng	18.087.605	146.043.592

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Chi phí lãi vay	985.944.277	767.212.840
- Chi phí trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng	(3.769.825.097)	235.494.695
- Chi phí khác	38.810	8.162.438
Cộng	(2.783.842.010)	1.010.869.973

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	961.164.156	2.982.367.292
- Chi phí đồ dùng văn phòng	24.823.862	12.564.553
- Chi phí khấu hao TSCĐ	248.878.943	65.227.574
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	5.742.285	-
- Chi phí dự phòng	2.396.520.272	2.785.973.251
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	835.031.085	910.880.222
- Chi phí bằng tiền khác	340.362.099	2.969.301.872
Cộng	4.812.522.702	9.726.314.764

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Thu từ thanh lý TSCĐ	2.800.000	3.082.007.618
- Thu từ hỗ trợ chi phí di dời 99 Phố Quang từ Công ty Đầu tư Tài chính Đất Việt	-	1.500.000.000
- Thu nhập khác	44.664.758	295.233.129
Cộng	47.464.758	4.877.240.747

6.7. Chi phí khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Chi phí phải trả ông Hideo Tomiya theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 03/07/2017	-	10.000.000.000
- Lỗ từ thanh lý vật tư	-	287.759.677
- Chi phí phạt thuế	3.417.661	2.038.276.095
- Chi phí khác	80.000	30.871.751
Cộng	3.497.661	12.356.907.523

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.314.547.714	614.142.484
- Chi phí nhân công	8.177.663.679	12.438.791.101
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.623.203.112	2.460.737.525
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.365.713.139	13.244.342.850
- Chi phí khác	346.104.384	2.966.158.038
Cộng	22.827.232.028	31.724.171.998

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành – Văn phòng Công ty (i)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành – Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn Tourist (ii)	72.499.089	-
Cộng	72.499.089	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành – Văn phòng Công ty được dự tính như sau:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.822.554.663)	(21.647.682.843)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Điều chỉnh tăng	(81.387.764)	1.823.869.951
+ Chi phí không hợp lệ	223.346.026	2.373.881.636
+ Chi phí trích trước năm nay	3.497.661	2.069.147.846
Điều chỉnh giảm	219.848.365	304.733.790
+ Chi phí trích trước năm trước	(304.733.790)	(550.011.685)
Thu nhập chịu thuế	(304.733.790)	(550.011.685)
Thu nhập tính thuế	(1.903.942.427)	(19.823.812.892)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành – Trung tâm Dạy nghề Bán công Sài Gòn Tourist Công ty được dự tính như sau:

	Năm 2018
	(VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	724.990.888
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	-
Điều chỉnh tăng	-
Điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	724.990.888
Thu nhập tính thuế	724.990.888
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	72.499.089

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	1.660.000.000	-

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

8.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ/STT-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn (bao gồm Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và toàn bộ tiền ký quỹ tại Ngân hàng cho dịch vụ này) với giá chuyển nhượng tối thiểu bằng số tiền ký quỹ tương đương 1.000.000.000 đồng. Ngày 09 tháng 01 năm 2019, Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist đã ký kết hợp đồng 0119/2019/HĐKT-STT với Bà Lê Thị Hòa về việc chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn với giá chuyển nhượng 3.300.000.000 đồng (giá chuyển nhượng trên không bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác). Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn cho Bà Lê Thị Hòa vào ngày 07 tháng 03 năm 2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Năm 2018 (VND)
Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	Cho mượn	55.000.000
	Thu tiền cho mượn	767.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	Nhận cung cấp dịch vụ từ công ty con	30.354.831
	Cung cấp dịch vụ cho công ty con	13.740.909

Số dư với các bên liên quan:

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn		
+ Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	1.425.844.758	2.137.844.758
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân		
+ Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	-	6.262.821
Cộng nợ phải thu	1.425.844.758	2.144.107.579
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân		
+ Phải trả tiền dịch vụ đã cung cấp	27.127.493	-
Cộng nợ phải trả	27.127.493	-

8.4. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2018			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.342.458.769	-	1.342.458.769
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000	-	150.000.000
Phải thu khách hàng	14.994.773.648	-	14.994.773.648
Phải thu về cho vay	-	5.796.000.000	5.796.000.000
Các khoản phải thu khác	23.641.991.052	453.721.800	24.095.712.852
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(32.640.594.226)	(5.796.000.000)	(38.436.594.226)
Tổng cộng	7.488.629.243	453.721.800	7.942.351.043
31/12/2018			
Phải trả cho người bán	2.506.603.960	-	2.506.603.960
Chi phí phải trả	219.848.365	413.951.571	633.799.936
Phải trả khác	16.084.308.822	1.091.649.286	17.175.958.108
Vay và nợ thuê tài chính	2.594.741.826	5.809.496.880	8.404.238.706
Tổng cộng	21.405.502.973	7.315.097.737	28.720.600.710
Chênh lệch thanh khoản thuần	(13.916.873.730)	(6.861.375.937)	(20.778.249.667)
01/01/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.377.804.601	-	1.377.804.601
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000	-	150.000.000
Phải thu khách hàng	14.947.911.687	-	14.947.911.687
Phải thu về cho vay	-	5.796.000.000	5.796.000.000
Các khoản phải thu khác	23.385.293.221	1.106.088.982	24.491.382.203
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(30.808.301.381)	(5.796.000.000)	(36.604.301.381)
Tổng cộng	9.052.708.128	1.106.088.982	10.158.797.110
01/01/2018			
Phải trả cho người bán	656.394.086	-	656.394.086
Chi phí phải trả	304.733.790	641.531.145	946.264.935
Phải trả khác	17.074.939.875	1.021.449.286	18.096.389.161
Vay và nợ thuê tài chính	2.491.300.000	8.321.266.032	10.812.566.032
Tổng cộng	20.527.367.751	9.984.246.463	30.511.614.214
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.474.659.623)	(8.878.157.481)	(20.352.817.104)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.342.458.769	1.377.804.601	1.342.458.769	1.377.804.601
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Phải thu khách hàng	14.994.773.648	14.947.911.687	2.673.420.364	1.478.996.133
Phải thu về cho vay	5.796.000.000	5.796.000.000	-	-
Các khoản phải thu khác	24.095.712.852	24.491.382.203	3.776.471.910	7.151.996.376
Tổng cộng	46.378.945.269	46.763.098.491	7.942.351.043	10.158.797.110
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.506.603.960	656.394.086	2.506.603.960	656.394.086
Chi phí phải trả	633.799.936	946.264.935	633.799.936	946.264.935
Phải trả khác	17.175.958.108	18.096.389.161	17.175.958.108	18.096.389.161
Vay và nợ thuê tài chính	8.404.238.706	10.812.566.032	8.404.238.706	10.812.566.032
Tổng cộng	28.720.600.710	30.511.614.214	28.720.600.710	30.511.614.214

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.5. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán.

8.6. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, công nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty 23.357.826.948 đồng. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và việc tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ khi tới hạn. Các cổ đông của Công ty đã xác nhận tiếp tục hỗ trợ tài chính để Công ty có thể có đủ vốn hoạt động và có thể thanh toán các khoản nợ khi đến hạn. Do đó, Báo cáo tài chính riêng đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.7. Thông tin về bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: cung cấp dịch vụ taxi, dịch vụ đào tạo lái xe, cho thuê xe và các dịch vụ khác. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Dịch vụ taxi	Dịch vụ đào tạo	Dịch vụ cho thuê xe	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần theo bộ phận	8.317.968.010	7.695.004.127	5.240.919.676	26.400.000	21.280.291.813
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(9.373.498.266)	(6.207.268.586)	(4.830.462.746)	-	(20.411.229.598)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	(1.055.530.256)	1.487.735.541	410.456.930	26.400.000	869.062.215
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(4.812.522.702)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(3.943.460.487)
Doanh thu tài chính					18.087.605
Chi phí tài chính					2.783.842.010
Thu nhập khác					47.464.758
Chi phí khác					(3.497.661)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(72.499.089)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.170.062.864)

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kakazu Shogo